

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số : 36/2020/HSST
Ngày 09/7/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Sơn

2. Bà Phan Thị Thùy Trang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký TAND huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có bà: Nguyễn Thị

Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/TLHS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 22/6/2018 đối với:

Bị cáo: **Phan Nhật Tường V**, sinh năm: 1998, tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Trú tại: Tổ 4, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Con ông: Phan Đức T1, sinh năm: 1967; Con bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1971;

Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Phạm Ngọc T3, sinh năm: 1967 (đã chết)

Trú tại: Thôn D, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Đại diện hợp pháp:

Đại diện hợp pháp cho bị hại Phạm Ngọc T3 gồm có:

1. Ông Phạm N1, sinh năm: 1934 (cha bị hại)

2. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1969 (vợ bị hại)

3. Anh Phạm Ngọc T4, sinh năm: 1990 (con bị hại)

4. Chị Phạm Thị Như T5, sinh năm: 1995 (con bị hại)

Cùng trú tại: Tổ 8, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

5. Chị Phạm Thị Anh T6, sinh năm: 1993 (con bị hại)

Trú tại: Tổ 41, phường H, quận N, tp Đà Nẵng.

Tất cả các đại diện hợp pháp ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T7, sinh năm: 1968.

Trú tại: Tổ 8, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 04/01/2020, Phan Nhật Tường V (có giấy phép lái xe hợp lệ số 490172007031 do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam cấp) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 92H1-627.64 từ thành phố Đà Nẵng theo tuyến đường Quốc lộ 1A, hướng Đà Nẵng – Tam Kỳ với tốc độ khoảng 70-90 km/giờ để về nhà tại xã B, huyện T. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Phan Nhật Tường V điều khiển xe đến đoạn km 968+175, thuộc: thôn T, xã B, huyện T, tại đây đoạn đường có khoảng cắt rộng 20m² dành cho người và phương tiện giao thông chuyển hướng qua đường; trên mặt đường có dải vạch giảm tốc đồng thời có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường. Đoạn đường này được rải nhựa bằng phẳng, giữa đường có dải phân cách cứng bằng bê tông chia đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt. Trên chiều đường hướng Đà Nẵng - Tam Kỳ có 01 vạch kẻ sơn không liên tục màu trắng rộng 0,15m, chia chiều đường thành 2 làn đường xe chạy, làn đường trái gần dải phân cách rộng 3,35m, làn đường phải rộng 3,03m. V phát hiện phía trước cùng chiều với xe do V điều khiển có ông Phạm Ngọc T3 điều khiển xe mô tô BKS 92N6-3560 cách V khoảng 2m đến 3m (theo lời khai của V). Do khoảng cách quá gần nên xe do V điều khiển tông vào phía sau xe mô tô BKS 92N6-3560 do ông Phạm Ngọc T3 điều khiển gây tai nạn giao thông.

Sau khi xảy ra tai nạn, ông Phạm Ngọc T3 bị thương được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Thăng Hoa sau đó chuyển đến Bệnh viện Đà Nẵng điều trị đến ngày 10/01/2020 thì chết; Phan Nhật Tường V bị thương được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam đến ngày 31/01/2020 thì xuất viện. Xe mô tô BKS 92H1-627.64 và xe mô tô BKS 92N6-3560 bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 05/GĐPY-PC09 ngày 01/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Ông Phạm Ngọc T3 sinh năm 1967, chết ngày 10/01/2020 trong vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra ngày 04/01/2020 tại km 968+175 Quốc lộ 1 A đoạn qua thôn T, xã B, huyện T do đa chấn thương: Chấn thương sọ não kín, chấn thương ngực kín, chấn thương bụng kín, vỡ xương gót trái, suy hô hấp cấp, suy tuần hoàn không hồi phục.

Tại bản giám định thương tích số 110/GĐTT.20 ngày 26/03/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận: Tỷ lệ thương tích của Phan Nhật Tường V là 60% (Sáu mươi phần trăm).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 19/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: Xe mô tô BKS 92H1-627.64 thiệt hại giá trị tài sản 5.386.000 đồng; xe mô tô BKS 92N6-3560 thiệt hại giá trị tài sản 490.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 12/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Phan Nhật Tường V, về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa bị cáo Phan Nhật Tường V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Hiện nay bị cáo và gia đình đã bồi thường xong cho gia

đình bị hại và đã được bãi nại xin giảm nhẹ. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bản thân giảm nhẹ cho bị cáo.

* Đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại ông Phạm Ngọc T7 khai trong hồ sơ: Khi vụ việc tai nạn giao thông xảy ra gia đình ông không hay biết. Sau khi đưa vào bệnh viện gia đình ông mới biết việc anh của ông là T3 bị tai nạn giao thông. Tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn ông T3 chưa có giấy phép lái xe và ông không biết anh T3 có uống rượu bia gì hay chưa. Hiện nay gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Ông đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại anh Phạm Ngọc T7 bãi nại về dân sự và xin miễn trách nhiệm hình sự cho Phan Nhật Tường V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình do vậy bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Nhật Tường V có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo và gia đình đã chủ động bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Đại diện hợp pháp của bị hại đã bãi nại về dân sự và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo bị thương tích nặng và hiện cũng còn đang điều trị. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phan Nhật Tường V, phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm và đề nghị xử phạt bị cáo Phan Nhật Tường V từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại đã bãi nại về dân sự và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho Phan Nhật Tường V 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 490172007031 mang tên Phan Nhật Tường V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Phan Nhật Tường V đã khai nhận: Vào khoảng 19 giờ ngày 04/01/2020, bị cáo từ nhà trọ ở thành phố Đà Nẵng theo tuyến đường Quốc lộ 1A, hướng Đà Nẵng – Tam Kỳ với tốc độ khoảng 70-90 km/giờ để về nhà tại xã B, huyện T. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe bên phải thì phát hiện phía trước cùng chiều có một người điều khiển xe nhưng do bị cáo nhìn xuống đồng hồ nên không thấy người phía trước. Khi phát hiện thì lúc đó khoảng cách quá gần nên bị cáo tông vào phía sau xe lưu hành cùng chiều phía trước và gây tai nạn. Lúc xảy ra tai nạn bị cáo không còn biết gì nữa.

- Căn cứ vào lời khai của bị cáo, các chứng khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án;

- Căn cứ vào bản kết luận giám định pháp y tử thi số 05/GĐPY-PC09 ngày 01/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Ông Phạm Ngọc T3, sinh năm: 1967, chết ngày 10/01/2020 trong vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra ngày 04/01/2020 tại km 968+175 Quốc lộ 1 A đoạn qua thôn T, xã B, huyện T do đa chấn thương: Chấn thương sọ não kín, chấn thương ngực kín, chấn thương bụng kín, vỡ xương gót trái, suy hô hấp cấp, suy tuần hoàn không hồi phục.

- Căn cứ vào bản giám định thương tích số 110/GĐTT.20 ngày 26/03/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận: Tỷ lệ thương tích của Phan Nhật Tường V là 60% (Sáu mươi phần trăm).

- Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 19/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện T, kết luận: Xe mô tô BKS 92H1-627.64 thiệt hại giá trị tài sản 5.386.000 đồng; xe mô tô BKS 92N6-3560 thiệt hại giá trị tài sản 490.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Khoảng 20 giờ ngày 04/01/2020, tại km 968+175 QL1A thuộc: thôn T, xã B, huyện T, bị cáo Phan Nhật Tường V có giấy phép lái xe hợp lệ điều khiển xe BKS 92H1-627.64 không làm chủ tốc độ, không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn tông vào phía sau bên trái xe mô tô BKS 92N6-3560 do ông Phạm Ngọc T3 điều khiển đi cùng chiều phía trước gây tai nạn giao thông. Hậu quả làm ông T3 chết, Bị cáo V bị thương với tỷ lệ thương tích 60%, xe mô tô BKS 92H1-627.64 và xe mô tô BKS 92N6-3560 bị hư hỏng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Phan Nhật Tường V đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của công dân được pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo là người đủ độ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự với mọi tội phạm do mình gây ra. Nhưng do bị cáo coi thường pháp luật, không tuân thủ đúng quy định pháp luật khi tham gia giao thông. Bị cáo điều khiển xe thiếu quan sát, không làm chủ tốc độ, không giữ khoảng cách an toàn nên đã tông vào sau xe ông Phạm Ngọc T3 lưu hành cùng chiều phía trước gây ra tai nạn làm chết ông T3. Hành vi đó gây nên nỗi mất mát đau thương cho gia đình nạn nhân, gây ra nỗi lo sợ khi tham gia của quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xét nhân thân của bị cáo Phan Nhật Tường V xuất thân là người dân lao động, có hoàn cảnh gia đình cũng rất khó khăn, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo biết ăn năn hối cải, đã khai báo thành khẩn và đã bồi thường các khoản chi phí cho gia đình bị hại. Gia đình bị hại bãi nại về dân sự và xin miễn trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo cũng bị thương tích nặng 60% và hiện đang điều trị bệnh động kinh G40. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xét hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, nhưng xét thấy bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo cũng bị thương tích rất nặng. Hội đồng xét xử thấy không cần phải cách ly bị cáo mà có thể miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T cũng có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trước đây đại diện hợp pháp cho bị hại và bị cáo đã thống nhất bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho bị hại với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong. Đại diện hợp pháp cho bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ các vật chứng sau: 01 xe mô tô BKS 92H1-627.64; 01 xe ô tô BKS 92N6-3560; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng A1 số 490172007031 mang tên Phan Nhật Tường V; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 92H1-627.64 mang tên Phan Nhật Tường V. Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra quyết định xử lý vật chứng trả xe mô tô BKS 92N1-302.61 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 92H1-627.64 cho Phan Nhật Tường V; trả xe mô tô BKS 92N6-3560 cho đại diện hợp pháp của bị hại. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Phan Nhật Tường V 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 490172007031 mang tên Phan Nhật Tường V là đúng nên được chấp nhận.

[6] Biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Phan Nhật Tường V trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 09/7/2020.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, bị đơn dân sự được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Phan Nhật Tường V phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo: **Phan Nhật Tường V 12** (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **24** (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/7/2020.

Giao bị cáo Phan Nhật Tường V cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo V được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên trả cho bị cáo Phan Nhật Tường V 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 490172007031 mang tên Phan Nhật Tường V. Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Tòa án nhân dân huyện T. Tòa án nhân dân huyện T có trách nhiệm bàn giao giấy phép lái xe cho bị cáo Phan Nhật Tường V sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Phan Nhật Tường V trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 09/7/2020.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Những người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành